

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 55/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 29-12-2017

V/v “*Chia tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Lâm Văn Be

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Trần Văn Sự – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc “*Chia tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2017/QĐ-PT, ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị Ngọc N, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ 02, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Thanh P, sinh năm 1981; cư trú tại: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng A; Địa chỉ: khu A, quận T, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch hội đồng thành viên;

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Hoàng Minh C – Giám

độc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - chi nhánh huyện T, tỉnh Tây Ninh – Tòa án không triệu tập.

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1950 và ông H, sinh năm 1934; cùng cư trú tại: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1950, cư trú tại: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2017.

Do có đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Phùng Thị Ngọc N trình bày:

Chị N và anh P đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 325/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn giữa chị N và anh P không có yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, tài sản chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận. Tuy nhiên sau khi về anh P không đồng ý chia tài sản chung. Do đó chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu anh P chia tài sản chung và nợ chung, gồm:

1/ 01 phần đất rẫy trồng cây cao su 10 năm tuổi diện tích 1.942m², thửa đất số 149, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đất do anh P và chị N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá khoảng 120.000.000 đồng. Nguồn gốc phần đất này là do vợ chồng cùng mua của ông Trần vào năm 2010. Phần đất này hiện đang thế chấp tại Ngân hàng A- chi nhánh huyện T.

2/ 01 căn nhà tường chưa tô, diện tích 4,5m x 16m, xây dựng trên phần đất của mẹ chồng là Bà Nguyễn Thị S, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, trị giá khoảng 40.000.000 đồng. Nguồn gốc căn nhà này do vợ chồng cùng xây dựng tháng 04/2016.

3/ 01 chiếc xe tải nhỏ hiệu JAC, biển số 70C-07885 còn đứng tên chủ cũ chưa sang tên, hiện do anh P quản lý, trị giá khoảng 70.000.000 đồng. Nguồn gốc xe này do vợ chồng cùng mua vào tháng 06/2016.

4/ 01 xe mô tô hiệu Honda Vison, biển số 70L1-381.05 còn đứng tên chủ cũ, hiện do anh P quản lý, trị giá khoảng 20.000.000 đồng. Nguồn gốc xe này do vợ chồng cùng mua vào tháng 07/2016, tiền là do vay từ ngân hàng để mua.

5/ 01 xe mô tô hiệu YAMAHA Nouvo, biển số 51V1-9006 còn đứng tên chủ cũ, hiện do chị N quản lý, trị giá khoảng 3.000.000 đồng. Nguồn gốc xe này do vợ chồng cùng mua năm 2006.

6/ 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, hiện do anh P đang quản lý, trị giá khoảng 3.000.000 đồng. Nguồn gốc tài sản do vợ chồng cùng mua năm 2014.

7/ 05 con bò (01 con bò đực và 04 con bò cái) do anh P đang quản lý, trị giá khoảng 100.000.000 đồng. Nguồn gốc tài sản này do vợ chồng cùng mua năm 2015.

8/ 01 lắc vàng 24Kra 9999, cân nặng 01 chỉ, do anh P đang quản lý, trị giá khoảng 3.000.000 đồng.

9/ 01 sợi dây chuyền vàng 18Kra, cân nặng 1,465 chỉ, kèm theo 01 mặt dây chuyền nặng 3,95 phân, do anh P đang quản lý, trị giá khoảng 3.800.000 đồng.

10/ 01 vòng vàng 18Kra, cân nặng 01 chỉ 8,5 phân, do anh P đang quản lý, trị giá khoảng 3.200.000 đồng.

11/ 01 nhẫn vàng 24Kra 9999, cân nặng 01 chỉ, do anh P đang quản lý, trị giá khoảng 3.000.000 đồng.

12/ 01 nhẫn vàng 18Kra, cân nặng 0,5 chỉ, do anh P đang quản lý, trị giá khoảng 1.100.000 đồng.

Nguồn gốc số vàng là do vợ chồng cùng làm và mua. Số vàng này trước đây do chị N quản lý nhưng đến ngày 07/10/2016 âm lịch, anh P tự ý lấy quản lý cho đến nay.

Tổng trị giá tài sản là 370.100.000 đồng. Chị N yêu cầu chia hai tài sản và yêu cầu nhận bằng trị giá tài sản.

Chị N yêu cầu chia theo giá của Hội đồng định giá và giá do anh P đưa ra, cụ thể chị N yêu cầu chia các tài sản sau:

1. Phần đất rẫy diện tích 1.942m² giá 97.100.000 đồng;
2. 115 cây cao su 10 năm tuổi giá 46.000.000 đồng;
3. Căn nhà tường chưa tô, loại nhà tạm A giá 18.740.000 đồng;
4. 01 chiếc xe tải nhỏ hiệu JAC, biển số 70C-07885 giá 70.000.000 đồng;
5. 01 xe mô tô hiệu Honda Vison, biển số 70L1-381.05 giá 20.000.000 đồng.
6. 04 con bò (01 con bò đực giá 20.000.000 đồng và 03 con bò cái giá tổng cộng 37.000.000 đồng), tổng cộng giá 57.000.000 đồng;
7. 01 lắc vàng 24Kra 9999 cân nặng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18Kra cân nặng 1,465 chỉ kèm theo 01 mặt dây chuyền nặng 3,95 phân, 01 vòng vàng 18Kra cân nặng 01 chỉ 8,5 phân, 01 nhẫn vàng 24Kra 9999 cân nặng 01 chỉ, 01 nhẫn vàng 18Kra cân nặng 0,5 chỉ, tổng trị giá vàng là 14.800.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện bao gồm: 01 xe mô tô hiệu YAMAHA Nouvo, biển số 51V1-9006 trị giá 3.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo trị giá 300.000 đồng; 01 con bò cái.

Về nợ: Nợ Ngân hàng A – chi nhánh huyện T số tiền 40.000.000 đồng, vay vào ngày 20/6/2016, mục đích vay để mua xe honda hiệu Vison. Chị N yêu cầu chia hai số nợ.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Anh Hoàng Thanh P trình bày:

Anh P thống nhất với chị N về số tài sản mà chị N trình bày, tuy nhiên nguồn gốc tạo lập tài sản chị N trình bày không đúng; anh P trình bày như sau:

Phần đất rẫy trồng cây cao su 10 năm tuổi diện tích 1.942m², thửa đất số 149, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là của cha mẹ anh P, yêu cầu trả lại, không đồng ý chia.

Anh P, chị N chỉ có 04 con bò, anh P không đồng ý chia cho chị N vì nguồn gốc tiền do ba mẹ anh P vay tiền ngân hàng đưa cho mua bò.

Xe Vison do anh P vay tiền ngân hàng để mua, hiện giờ đã bán với giá 26.000.000 đồng, anh P không cung cấp tên tuổi, địa chỉ người mua.

Tất cả số vàng chị N trình bày là đúng, hiện nay anh P đã bán được số tiền 14.800.000 đồng, bán không làm giấy tờ.

Xe tải nhỏ hiệu JAC, biển số 70C-07885 anh P đã bán giá 60.000.000 đồng, anh P không cung cấp tên tuổi và địa chỉ người mua.

Chị N có đưa 6.000.000 đồng để mua gạch xây nhà vào tháng 9/2015, sau đó đến tháng 4/2016 thì chị N bỏ đi, anh P tiếp tục xây nhà nên không đồng ý chia.

Anh P không đồng ý chia tài sản vì số tài sản này phải để lại nuôi dưỡng 02 con ăn học.

Ngoài ra, vào ngày 26/4/2017 anh P có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chị N cấp dưỡng một lần nuôi 02 con chung là cháu Hoàng Châu P, sinh ngày 17/11/2003 và cháu Hoàng Châu Ngọc N, sinh ngày 19/12/2008 số tiền là 117.000.000 đồng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ngân hàng A- chi nhánh huyện T trình bày:

Ngày 27/6/2016 anh P, chị N có vay của Ngân hàng A – chi nhánh huyện T số tiền 40.000.000 đồng, mục đích để chăn nuôi. Theo hợp đồng tín dụng số 5707-LAV-201604109, anh P, chị N phải trả 03 kỳ như sau:

Kỳ 1: Ngày 17/6/2017 trả 10.000.000 đồng.

Kỳ 2: Ngày 17/6/2018 trả 15.000.000 đồng.

Kỳ 3: Ngày 17/6/2019 trả 15.000.000 đồng.

Anh P, chị N có thể chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02417 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 04/12/2013 cho Anh Hoàng Thanh P, Chị Phùng Thị Ngọc N đứng tên, diện tích 1.942m² thửa đất số 149, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Nay anh P đã hoàn trả nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 4.311.000 đồng vào tháng 06/2017 nên Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với anh P, chị N.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà S là mẹ của Anh Hoàng Thanh P. Hiện nay chị N đang khởi kiện tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với anh P, trong đó có tài sản của vợ chồng bà là diện tích đất 1.942m² tại thửa số 149, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T,

tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02417 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho anh P, chị N đứng tên. Trên phần đất này có trồng cao su khoảng 10 năm tuổi. Nguồn gốc đất: Trước đây bà S, ông H có phần đất diện tích đất là 4m x 85m sát ranh với phần đất 1.942m² của ông Nguyễn Văn Trân tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Năm 2011 ông Trân muốn bán đất cho ông Nguyễn Văn Re nhưng đất ông Trân không có đường đi ra vô nên ông Trân thương lượng đổi đất với bà S, bà S bù cho ông Trân 6.000.000 đồng. Từ thỏa thuận này, bà S làm thủ tục sang tên đất của bà S cho ông Nguyễn Văn Re năm 2012, còn phần đất của ông Trân, bà S yêu cầu sang tên cho anh P đứng tên năm 2013. Lý do bà S cho anh P đứng tên là vì bà già yếu, nếu cần vốn vay Ngân hàng thì bà S quá tuổi không vay được. Khi đổi đất, bà S có thu hoạch mủ cao su được khoảng 01 năm thì giao lại cho anh P thu hoạch cho đến nay. Phần đất này bà S không có làm văn bản gì tặng cho anh P, chị N, chỉ nói miệng là cho anh P, chị N canh tác đất để có thu nhập nuôi con. Nay bà S yêu cầu anh P, chị N hoàn trả lại phần đất trên cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H- có người đại diện theo ủy quyền là Bà Nguyễn Thị S trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của Bà Nguyễn Thị S.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2017/HNGĐ-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Áp dụng các Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 33, 34, 38, 59, 62, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Phùng Thị Ngọc N đối với Anh Hoàng Thanh P yêu cầu chia tài sản chung.

Anh Hoàng Thanh P được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

1. Phần đất rẫy trồng 115 cây cao su 10 năm tuổi diện tích 1.942m², thửa đất số 149, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02417 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 04/12/2013 cho Anh Hoàng Thanh P, Chị Phùng Thị Ngọc N đứng tên, có tứ cận:

Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Re.

Tây giáp đất ông Phước.

Nam giáp đất ông Phước.

Bắc giáp đất bà S, ông H.

Trị giá phần đất và cây cao su là 143.100.000 (một trăm bốn mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng

2. 01 căn nhà tường chưa tô, loại nhà tạm A xây dựng trên phần đất của Bà Nguyễn Thị S, ông H tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; trị giá 18.740.000 (mười tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng.

3. 04 con bò (01 con bò đực và 03 con bò cái); trị giá 57.000.000 (năm mươi bảy triệu) đồng.

4. Tất cả tài sản đã bán gồm: 01 chiếc xe tải nhỏ hiệu JAC, biển số 70C-07885; 01 xe mô tô hiệu Honda Vison, biển số 70L1-381.05; 01 lắc vàng 24Kra 9999 cân nặng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18Kra cân nặng 1,465 chỉ kèm theo 01 mặt dây chuyền nặng 3,95 phân, 01 vòng vàng 18Kra cân nặng 01 chỉ 8,5 phân, 01 nhẫn vàng 24Kra 9999 cân nặng 01 chỉ, 01 nhẫn vàng 18Kra cân nặng 0,5 chỉ; tổng trị giá các tài sản này là 104.800.000 (một trăm lẻ bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

Anh Hoàng Thanh P quản lý toàn bộ tài sản nên có nghĩa vụ trả cho Chị Phùng Thị Ngọc N phần giá trị tài sản Chị Phùng Thị Ngọc N được chia là 133.114.500 (một trăm ba mươi ba triệu một trăm mười bốn nghìn năm trăm) đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Anh Hoàng Thanh P, buộc Chị Phùng Thị Ngọc N cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hoàng Châu P, sinh ngày 17/11/2003 và cháu Hoàng Châu Ngọc N, sinh ngày 19/12/2008 hàng tháng với số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng/01 con/tháng đến khi cháu Phi và cháu Ngà đủ 18 tuổi.

Không chấp nhận yêu cầu của ông H, Bà Nguyễn Thị S yêu cầu anh P chị N trả lại diện tích 1.942m² tại thửa số 149, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh và cây cao su trên đất.

Đinh chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị N yêu cầu anh P chia đôi tài sản là 01 xe mô tô hiệu YAMAHA Nouvo, biển số 51V1-9006; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 con bò cái.

Đinh chỉ yêu cầu khởi kiện của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện T đối với chị N, anh P.

Chi phí đo đạc định giá: Chị Phùng Thị Ngọc N tự nguyện chịu 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/9/2017, Bà Nguyễn Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh P và chị N sang tên cho bà và ông H phần đất diện tích 1.942 m² đất tọa lạc tại ấp S, xã T và cây cao su trên đất.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị S. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên

bản án sơ thẩm số 49/2017/HNGĐ-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà S thấy rằng:

Phần đất diện tích 1.942 m² tại thửa số 149, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh và cây cao su trên đất, trị giá tổng cộng 143.100.000 đồng, có nguồn gốc của bà S, ông H đổi diện tích 4m x 85m đất của ông bà cho ông Nguyễn Văn Trân. Còn phần diện tích 1.942m² ông H, bà S yêu cầu ông Trân làm hợp đồng chuyển nhượng cho anh P, chị N từ năm 2011, anh P, chị N đã được UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02417 ngày 04/12/2013.

Bên cạnh đó, bà S cho rằng bà đã tặng cho chị N anh P, chỉ nói miệng (BL 176). Mặc dù việc tặng cho không tuân theo điều kiện hình thức nhưng anh P và chị N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã trực tiếp sản xuất canh tác sử dụng và thu hoạch mủ cao su, từ năm 2011 cho đến nay; bà S, ông H biết nhưng không phản đối. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi đất và cao su trên đất của bà S.

[3] Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị S là có căn cứ. Nên giữ nguyên bản án sơ thẩm số 49/2017/HNGĐ-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 1, Điều 29 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị S về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn, cấp dưỡng nuôi con*”.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 49/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng các Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 33, 34, 38, 59, 62, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Phùng Thị Ngọc N đối với Anh Hoàng Thanh P yêu cầu chia tài sản chung.

Anh Hoàng Thanh P được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

2.1. Phần đất rẫy trồng 115 cây cao su 10 năm tuổi diện tích 1.942m², thửa đất số 149, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02417 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 04/12/2013 cho Anh Hoàng Thanh P, Chị Phùng Thị Ngọc N đứng tên, có tứ cận:

Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Re.

Tây giáp đất ông Phước.

Nam giáp đất ông Phước.

Bắc giáp đất bà S, ông H.

Trị giá phần đất và cây cao su là 143.100.000 (một trăm bốn mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng

2.2. Căn nhà tường chưa tô, loại nhà tạm A xây dựng trên phần đất của Bà Nguyễn Thị S, ông H tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; trị giá 18.740.000 (mười tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng.

2.3. Bốn (04) con bò (01 con bò đực và 03 con bò cái); trị giá 57.000.000 (năm mươi bảy triệu) đồng.

2.4. Tất cả tài sản đã bán gồm: 01 chiếc xe tải nhỏ hiệu JAC, biển số 70C-07885; 01 xe mô tô hiệu Honda Vison, biển số 70L1-381.05; 01 lắc vàng 24Kra 9999 cân nặng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18Kra cân nặng 1,465 chỉ kèm theo 01 mặt dây chuyền nặng 3,95 phân, 01 vòng vàng 18Kra cân nặng 01 chỉ 8,5 phân, 01 nhẫn vàng 24Kra 9999 cân nặng 01 chỉ, 01 nhẫn vàng 18Kra cân nặng 0,5 chỉ; tổng trị giá các tài sản này là 104.800.000 (một trăm lẻ bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

Anh Hoàng Thanh P quản lý toàn bộ tài sản nên có nghĩa vụ trả cho Chị Phùng Thị Ngọc N phần giá trị tài sản Chị Phùng Thị Ngọc N được chia là 133.114.500 (một trăm ba mươi ba triệu một trăm mười bốn nghìn năm trăm) đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Anh Hoàng Thanh P, buộc Chị Phùng Thị Ngọc N cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hoàng Châu P, sinh ngày 17/11/2003 và cháu Hoàng Châu Ngọc N, sinh ngày 19/12/2008 hàng tháng với số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng/01 con/tháng đến khi cháu Phi và cháu Ngà đủ 18 tuổi.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông H, Bà Nguyễn Thị S yêu cầu anh P chị N trả lại diện tích 1.942m² tại thửa số 149, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh và cây cao su trên đất.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị N yêu cầu anh P chia đôi tài sản là 01 xe mô tô hiệu YAMAHA Nouvo, biển số 51V1-9006; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 con bò cái.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện T đối với chị N, anh P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chi phí do đặc định giá: Chị Phùng Thị Ngọc N tự nguyện chịu 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

7. Về án phí:

7.1 Án phí sơ thẩm:

Chị Phùng Thị Ngọc N phải chịu 7.763.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nga đã nộp là 4.626.000 đồng theo biên lai số 0003771 ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; chị N còn phải nộp 3.437.000 (ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

Anh Hoàng Thanh P phải chịu 8.418.000 (tám triệu bốn trăm mười tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị S, ông H phải chịu 7.155.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai số 0004187 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; bà S, ông H còn phải nộp 4.655.000 (bốn triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Ngân hàng A - chi nhánh huyện T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện T 1.030.000 (một triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0004026 ngày 11/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

7.2 Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà S đã nộp theo biên lai thu số 0004537 ngày 28/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND cấp huyện;
- THADS cấp huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

Phạm Thị Hồng Vân